TAND HUYỆN TAM ĐƯỜNG **TỈNH LAI CHÂU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 56/2020/QĐST - HNGĐ	*Tam Đường, ngày 04 tháng 8 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

- Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 76/2020/TLST - HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2020. Giữa:

Nguyên đơn: Chị Ú Thị S, sinh năm 1999

Địa chỉ: Bản G, xã G, huyện T, tỉnh Lai Châu

Bị đơn: Anh Lù Văn L, sinh năm 1997

Địa chỉ: Bản G, xã G, huyện T, tỉnh Lai Châu

- Căn cứ vào Điều 212; Điều 213, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự

- Căn cứ vào Điều 54; Điều 55, Điều 57; Điều 58; Điều 69; Điều 71; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 22 tháng 8 năm 2020.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 22 tháng 8 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Chị Ú Thị S và anh Lù Văn L

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

a. Về quan hệ hôn nhân: Chị Ú Thị S và anh Lù Văn L thuận tình ly hôn.

b. Việc nuôi con: Chị Ú Thị S và anh Lù Văn L thỏa thuận sau khi ly hôn. Chị Ú Thị S được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là Lù Thị Ngọc H, sinh ngày 30 tháng 9 năm 2016 cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động. Anh Lù Văn L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Lù Văn L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

c. Chia tài sản: Tài sản chung, nợ chung, cho vay chung chị Ú Thị S và anh Lù Văn L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

d. Về án phí Dân sự sơ thẩm: Án phí DSST là 150.000^{đ}. Chị Ú Thị S và anh Lù Văn L mỗi người phải chịu 75.000^{đ}. Chị Ú Thị S tự nguyện nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho cả phần của anh Lù Văn L. Tổng cộng chị Ú Thị S phải nộp 150.000^{đ} án phí dân sự sơ thẩm. Chị Ú Thị S đã nộp 300.000^{đ} tiền tạm ứng án phí theo biên lai số: AA/2016/0000271 ngày 13 tháng 7 năm 2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu, nay 150.000^{đ} chuyển thành án phí, chị Ú Thị S được trả lại số tiền 150.000^{đ}

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND huyện Tam Đường;
- CCTHADS huyện Tam Đường;
- Các đương sự;
- UBND xã G;
- Lưu HSVA;

THẨM PHÁN

Hồ Thị Tuyết

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không bồi thường đủ số tiền phải thi hành, thì còn phải chịu lãi suất chậm trả theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định tại thời điểm phải thi hành tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành theo quy định tại Điều 468/Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.